TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT
Ngày 21/5/2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế*"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 2 năm 2024, về "*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/KDTM-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Đ, địa chỉ: số F, đường L, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Thành H, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988, địa chỉ: Số F, đường L, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn X, địa chỉ: Số C, đường T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Việt H1, sinh năm 1966, địa chỉ: Số L, đường C, khu dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ban quản lý dự án nâng cấp đô

thị thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số B, đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty trách nhiệm hữu hạn X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/5/2020 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, Công ty Cổ phần Đ *(gọi tắt là Công ty Đ)* có ký hợp đồng với Công ty TNHH X *(gọi tắt là Công ty X)* để cung cấp thiết bị *(Theo Hợp đồng kinh tế số 01/2017/HĐTB ngày 09/01/2017 về việc mua bán thiết bị)* và (*Hợp đồng gia công số 02/2017/HĐTB ngày 19/6/2017)* cho các trường học tại thành phố C, tỉnh Đồng Tháp thuộc gói thầu CL-PW – 1.8 và CL-PW – 1.14 do Ban Quản lý dự án Nâng cấp đô thị thành phố C làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng 01/2017, hoàn thành theo tiến độ xây dựng. Sau khi được chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án Nâng cấp đô thị thành phố C đồng ý nghiệm thu và thanh toán khối lượng hoàn thành thì Công ty X phải thanh toán tiền cho Công ty Đ. Đến nay, dù Ban Quản lý dự án Nâng cấp đô thị thành phố C thanh toán đủ nhưng Công ty X không thực hiện đúng theo thỏa thuận hợp đồng, hiện đang còn nợ lại tiền của Công ty Đ cụ thể như sau:

1. Đối với Hợp đồng kinh tế số 01/2017/HĐTB ngày 09/01/2017, về việc mua bán thiết bị: Giá trị thực hiện 3.041.451.000 đồng, thỏa thuận thanh toán: 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận được tiền thanh toán của chủ đầu tư và Bên B phải cung cấp đầy đủ chứng từ hóa đơn VAT theo giá trị giai đoạn 1. Nếu trả chậm so với mốc thanh toán thì Bên A phải trả thêm cho Bên B số tiền lãi trả chậm là 7%/năm. Tổng cộng số tiền Công ty X còn nợ 409.491.781 đồng, cụ thể:

+ Tiền bảo hành 5% (theo Khoản 3 Điều 2): 152.072.550 đồng.

+ Số tiền buộc phải trả: 2.889.378.450 đồng.

+ Công ty X đã trả: 2.663.148.800 đồng.

+ Công ty X còn nợ lại: 226.229.650 đồng và tiền lãi 31.189.581 đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/5/2020 nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền bảo lãnh 5% theo khoản 3, Điều 2 Hợp đồng thiết bị số 01/2017/HĐTB ngày 09/01/2017 với số tiền là 152.072.000 đồng.

2. Đối với Hợp đồng gia công số 02/2017/HĐTB ngày 19/06/2017: Giá trị thực hiện là 1.544.409.276 đồng, thỏa thuận thanh toán: 15 ngày kể từ ngày Bên A được nghiệm thu thanh toán và Bên B phải cung cấp đầy đủ chứng từ hóa đơn VAT theo giá trị hợp đồng. Nếu trả chậm so với mốc thanh toán thì Bên A phải trả thêm cho Bên B số tiền lãi trả chậm là 10,5%/năm. Công ty X đã thanh toán:

1.276.487.200 đồng, Công ty X còn nợ lại: 267.922.076 đồng và tiền lãi là 36.477.192 đồng.

Theo đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH X thanh toán dứt điểm cho Công ty Cổ phần Đ với tổng số tiền là: 713.891.049 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty TNHH X phải trả cho Công ty Cổ phần Đ tổng số tiền là 697.597.518 đồng, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng kinh tế số 01/2017/HĐTB ngày 09/01/2017, về việc mua bán thiết bị hai bên đã có Bảng đối chiếu số liệu thanh toán ngày 15/12/2018 gồm (*Bên A tạm giữ 5% giá trị thanh toán chờ nghiệm thu: 149.358.850 đồng; tiền bảo hành công trình 5% 149.358.850 đồng; số tiền Công ty X còn nợ Công ty Đ 68.757.300 đồng).* Do đó buộc Công ty TNHH X phải thực hiện theo Bảng đối chiếu số liệu thanh toán ngày 15/12/2018 tổng số tiền vốn và lãi là 393.198.250 đồng (trong đó vốn là 367.475.000 đồng; lãi tính từ ngày 15/12/2018 đến ngày 10/02/2020, mức lãi suất 7%, với số tiền lãi là 25.723.250 đồng).

- Đối với Hợp đồng gia công số 02/2017/HĐTB ngày 19/6/2017, số tiền là 304.399.268 đồng (trong đó vốn là 267.922.076 đồng; lãi 36.477.192 đồng).

Theo đơn phản tố đề ngày 04/8/2020 của bị đơn và tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 19/5/2023 của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

- Ngày 09 tháng 01 năm 2017 Công ty TNHH X và Công ty Cổ phần Đ đã ký hợp đồng kinh tế số 01/2017/HĐTB về việc mua bán thiết bị trị giá 3.072.682.000 đồng, thời gian thực hiện hoàn thành giai đoạn 1 trước ngày 28 tháng 02 năm 2017 và hoàn thành giai đoạn 2 trước ngày 31 tháng 3 năm 2018. Ngoài ra, giữa hai bên còn có thỏa thuận như sau:

+ Khi thanh toán, Công ty X được giữ lại 5% (năm phần trăm) trên tổng giá trị tương ứng cho từng nhóm hàng.

+ Hàng hóa cung cấp phải đáp ứng theo các thông số kỹ thuật của chủ đầu tư (Ban Q) và chấp nhận nghiệm thu của đơn vị giám sát là Công ty K CO. LTD.

- Ngày 19 tháng 6 năm 2017 Công ty X và Công ty Đ tiếp tục ký hợp đồng gia công số 02/2017/HĐTB về việc thực hiện gia công và lắp đặt hệ thống cửa và hàng rào tại các điểm công trình Trường Tiểu học T1, Trường M, Trường M1, Trường Tiểu Học L1, Nhà Văn H2 Phường A, Nhà Văn hóa phường D và Trường Mầm non T2 trên địa bàn thành phố C giá trị hợp đồng là 2.111.557.735 đồng. Thời hạn thực hiện 60 ngày. Điều kiện thanh toán: Sau khi được Ban quản lý dự

án nâng cấp đô thị thành phố C (chủ đầu tư) và đơn vị tư vấn giám sát là Công ty K CO. LTD nghiệm thu và thanh toán khối lượng hoàn thành thì Công ty X sẽ thanh toán theo khối lượng đã nghiệm thu và Công ty Đ phải cung cấp đầy đủ chứng từ hóa đơn VAT theo giá trị hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Đ đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận đã ký kết làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của Công ty X, cụ thể như sau:

+ Tiến độ thực hiện hợp đồng quá chậm so với cam kết làm cho Công ty X bị thiệt hại số tiền 230.000.000 đồng.

+ Có nhiều hạng mục công trình Công ty Đ không thực hiện theo hợp đồng đã ký, nên Công ty X phải tự mua vật tư và thuê mướn nhân công để thực hiện nhằm đảm bảo theo tiến độ của hợp đồng, số tiền Công ty X bỏ ra để sửa chữa khắc phục là 220.512.000 đồng và khối lượng công việc, trị giá hàng hóa Công ty Đ không thực hiện theo hợp đồng và sau đó Công ty X tự mình khắc phục lên đến số tiền 403.518.239 đồng (tổng cộng 624.030.239 đồng).

Theo đơn phản tố Công ty TNHH X phản tố yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết buộc Công ty Cổ phần Đ phải trả lại cho Công ty X số tiền 624.030.239 đồng và bồi thường thiệt hại do không thực hiện đúng tiến độ đã cam kết với số tiền 230.000.000 đồng. Tổng cộng: 854.030.239 đồng.

Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 19/5/2023 của người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Việt H1 trình bày là xin rút lại một phần yêu cầu phản tố đối với số tiền 230.000.000 đồng bồi thường thiệt hại do không thực hiện đúng tiến độ đã cam kết. Chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần Đ trả số tiền 624.030.239 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

"Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ: Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ tổng cộng số tiền là 393.198.250 đồng (trong đó tiền vốn là 367.475.000 đồng, tiền lãi là 25.723.250 đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ về việc buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ số tiền lãi là 304.399.268 đồng.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X về việc buộc nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ phải trả tổng số tiền 624.030.239 đồng."

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/7/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn X có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn đã rút; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền đã bỏ ra khắc phục sửa chữa là 624.030.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành xét xử vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữa nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về thủ tục tố tụng:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X:

[2]. Tại cấp sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn X có rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần Đ bồi thường thiệt hại hợp đồng với số tiền 230.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Đ có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc điều chỉnh lại số tiền yêu cầu công ty X thanh toán. Cấp sơ thẩm đã có nhận định giải quyết và chấp nhận đối với các yêu cầu nêu trên của đương sự, tuy nhiên trong phần quyết định chưa ghi đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đã rút là thiếu sót, nhưng nội dung này không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự nên cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh bổ sung mà không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Công ty trách nhiệm hữu hạn X kháng cáo yêu cầu Công ty Cổ phần Đ phải trả cho công ty số tiền đã bỏ ra khắc phục sửa chữa là 624.030.000 đồng, vì

công ty Đ đã thực hiện không đúng yêu cầu kỹ thuật theo thỏa thuận tại Hợp đồng gia công số 02/2017/HĐTB ngày 19/6/2017, nên Công ty X phải ký hợp đồng giao khoán cho ông Lưu Trần L và ông Nguyễn Trọng N để thi công những phần việc mà phía Công ty Đ chưa thực hiện xong. Qua xem xét chứng cứ, Công ty X cung cấp bao gồm: Hợp đồng số 41/2018/HĐTB ngày 28/3/2018 và Hợp đồng số 46/2018/HĐTB ngày 05/5/2018 được ký kết giữa Công ty X và ông Lưu Trần L; Hợp đồng số 40/2018/HĐTB ngày 28/3/2018 được ký kết giữa Công ty X và ông Nguyễn Trọng N. Nhận thấy những hạng mục thi công được thỏa thuận tại 03 hợp đồng nêu trên giữa Công ty X với ông L và ông N có một phần hạng mục thi công đã được Công ty Đ thỏa thuận bàn giao lại cho Công ty X tự thi công theo danh mục thỏa thuận tại biên bản làm việc các bên lập ngày 02/02/2018; có một phần hạng mục thi công không thuộc những công việc Công ty Đ phải làm theo thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng gia công số 02/2017/HĐTB ngày 19/6/2017. Do vậy, việc Công ty X cho rằng Công ty Đ vi phạm hợp đồng nên buộc phải ký hợp đồng giao khoán cho ông Lưu Trần L và ông Nguyễn Trọng N để thi công những phần việc mà phía Công ty Đ chưa hoàn thành là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty X buộc Công ty Đ trả số tiền 624.030.000 đồng là có căn cứ, nên cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của Công ty X.

[4]. Việc Công ty X kháng cáo yêu cầu xem xét lại thời gian tính lãi đối với số tiền Công ty X giữ lại 5% bảo hành công trình với số tiền 149.358.850 đồng chờ nghiệm thu và thời gian bảo hành là 12 tháng, kể từ ngày 15/12/2018 đến nay giữa Công ty X và Công ty Đ chưa ký biên bản nghiệm thu và biên bản kết thúc bảo hành, vì vậy cấp sơ thẩm tính lãi chậm thanh toán từ ngày 15/12/2018 là chưa chính xác. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/7/2022, ông Nguyễn Thanh H3 là Giám đốc Ban quản lý dự án nâng cấp đô thị thành phố Q, tỉnh Đồng Tháp xác nhận: Trong tháng 12 năm 2018, Ban quản lý dự án đã thanh toán tiền dứt điểm toàn bộ các công trình, hạng mục công ty X thực hiện, trong đó có bao gồm công việc cung cấp thiết bị mà Công ty X đã ký hợp đồng với Công ty Đ. Như vậy, Hợp đồng số 01/2017/HĐTB ngày 09/01/2017, về việc mua bán thiết bị giữa Công ty Đ và Công ty X đã được Ban dự án nghiệm thu và thanh toán tiền cho Công ty X trong tháng 12/2018. Công ty X chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ đối với hợp đồng số 01 nêu trên tính từ ngày 15/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là khoảng 54 tháng, nhưng phía Công ty Đ chỉ yêu cầu Công ty X thanh toán lãi 14 tháng là có lợi cho Công ty X, vì vậy Công ty X kháng cáo yêu cầu không tính lãi 12 tháng bảo hành là chưa có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ các tình tiết đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty X, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Công ty X phải chịu án phí phúc thẩm với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH X giữ nguyên Bản án sơ thẩm 06/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ số tiền còn nợ là 393.198.250 đồng (trong đó tiền vốn là 367.475.000 đồng và tiền lãi là 25.723.250 đồng).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn X còn phải trả lãi cho Công ty Cổ phần Đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X thanh toán số tiền 304.399.268 đồng.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn X về việc buộc Công ty Cổ phần Đ phải trả tổng số tiền 624.030.239 đồng.

4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn X về việc buộc Công ty Cổ phần Đ bồi thường thiệt hại số tiền 230.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí là 15.219.963 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp 17.037.000 đồng theo các biên lai thu số 0001788 ngày 31/3/2020 và số 0001913 ngày 25/5/2020, của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Công ty Cổ phần Đ được nhận lại số tiền còn thừa là 1.817.037 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải chịu án phí là 48.621.122 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp 18.810.000 đồng theo biên lai thu số 0004543 ngày 11/8/2020, của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Công ty trách nhiệm hữu hạn X còn phải nộp thêm số tiền 29.811.122 đồng.

6. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đ phải chịu số tiền 2.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm công ty đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009580 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Nhuận